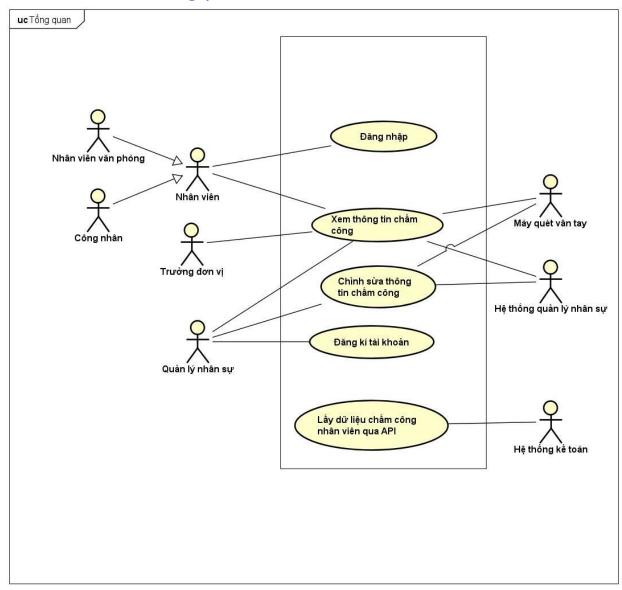
Phân tích yêu cầu

Nhóm 2023.1-143801-06

- Trần Phúc Mạnh Linh 20200352 (Đặc tả UC001)
- Nguyễn Thanh Lâm 20200336 (Đặc tả UC002)
- Bùi Trọng Đức 20200157 (Đặc tả UC003)
- Lê Đức Minh 2020395 (Đặc tả UC004)

1 Biểu đồ use case

1.1 Biểu đồ use case tổng quan



Giải thích về các tác nhân:

- **Nhân viên**: Người dùng cấp thấp nhất, chỉ có thể xem được các thông tin chấm công liên quan đến mình
- **Nhân viên văn phòng**: Kế thừa nhân viên, chỉ xem được thông tin chấm công dạng nhân viên văn phòng.
- **Công nhân**: Kế thừa nhân viên, chỉ xem được thông tin chấm công dạng công nhân.
- **Trưởng đơn vị**: Người dùng cấp cao hơn nhân viên, có thể xem được thông tin chấm công của các thành viên trong đơn vị của mình quản lý.
- Quản lý nhân sự: Người dùng cấp cao nhất, có thể xem được thông tin chấm công của toàn bộ nhân viên công ty, có quyền chỉnh sửa thông tin chấm công, xem báo cáo, import/export dữ liêu chấm công.
- **Máy quét vân tay**: Hệ thống bên ngoài có nhiệm vụ cung cấp API cho hệ thống lấy dữ liệu chấm công
- **Hệ thống quản lý nhân sự**: Hệ thống bên ngoài có nhiệm vụ cung cấp API cho hệ thống chấm công lấy thông tin của nhân viên.
- Hệ thống kế toán: Hệ thống bên ngoài có khả năng lấy thông tin chấm công từ hệ thống chấm công để tính lương của nhân viên cho từng tháng.

Giải thích về các use case:

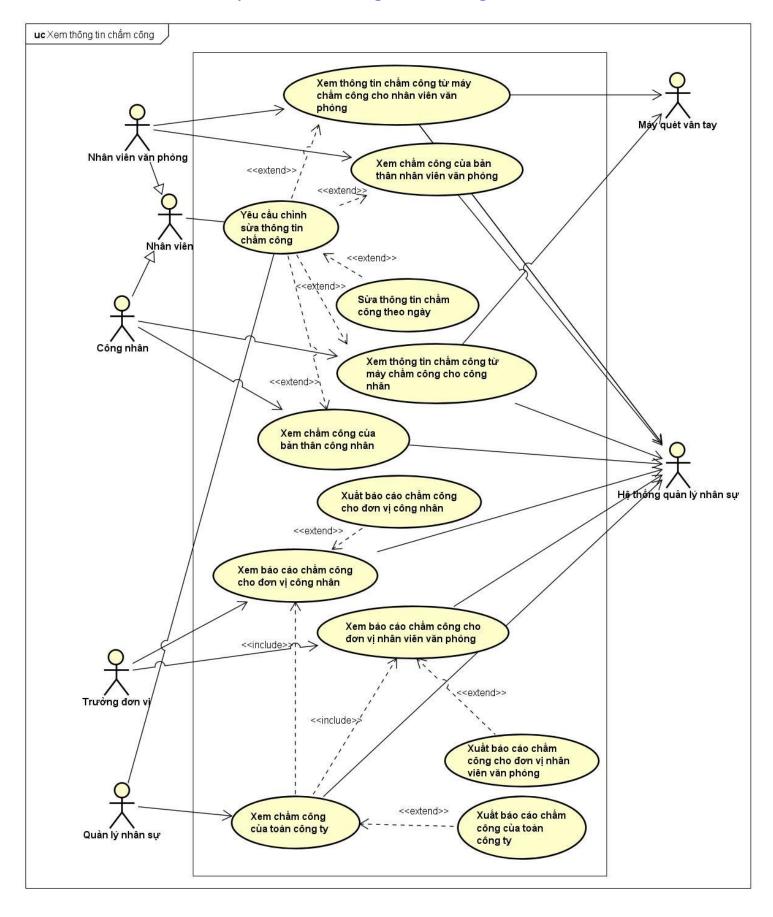
Composite use case:

- **Xem thông tin chấm công**: Use case tổng quát của các use case thực hiện các hành vi nghiệp vụ lên máy chấm công vân tay.
- **Chỉnh sửa thông tin chấm công**: Use case tổng quát của các use case thực hiện các hành vi nghiệp vụ lên

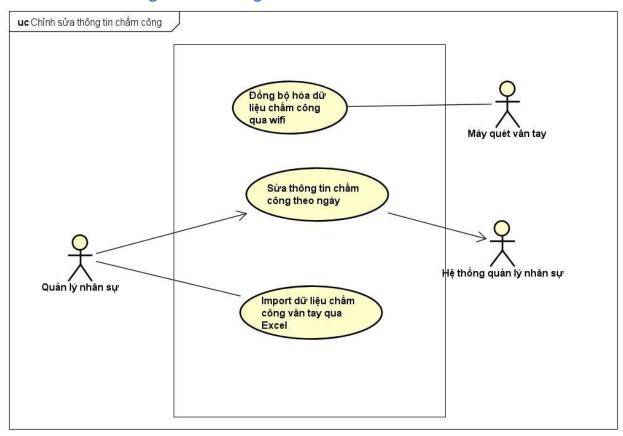
Actual use case:

- Cung cấp dữ liệu chấm công nhân viên qua API
- Đăng kí tài khoản
- Đăng nhập
- Lấy dữ liệu chấm công nhân viên qua API

1.2 Biểu đồ use case phân rã "Xem thông tin chấm công"



1.3 Chỉnh sửa thông tin chấm công



2 Đặc tả Use case

2.1 Use case "Xem báo cáo chấm công cho đơn vị nhân viên văn phòng"

| | | mani cong cho c | dơn vị nhân viên | |
|---------------------|--------|--------------------------------------|---|---|
| Mã Use case | UC001 | | Tên Use case | Xem báo cáo chấm công |
| Tác nhân | | | ơn vị, Hệ thống quản | lý nhân sự |
| Tiền điều kiện | Đã đăn | g nhập vào hệ thốn | g | |
| Luồng sự kiện chính | STT | Thực hiện bởi | | Hành động |
| (Thành công) | 1. | Quản lý nhân sự, Trưởng đơn vị | Chọn chức năng Xem | n báo cáo chấm công |
| | 2. | Hệ thống | Gọi đến Hệ thống qu sách các đơn vị | ản lý nhân sự để lấy danh |
| | 3. | Hệ thống quản lý nhân sự | Trả về danh sách các | |
| | 4. | Hệ thống | _ | m báo cáo chấm công gồm (Chỉ một đơn vị nếu người ị) |
| | 5. | Quản lý nhân sự, Trưởng đơn vị | Chọn đơn vị bất kì để theo tháng | ể xem báo cáo về đơn vị đó |
| | 6. | Hệ thống | Gọi đến Hệ thống quản lý nhân sự để xem danh sách các nhân viên trong đơn vị cũng như thông tin về các nhân viên đó | |
| | 7. | Hệ thống quản lý nhân sự | như thông tin về các | |
| | 8. | Hệ thống | Lấy các bản ghi chấm trong đơn vị đó từ CS | công của các thành viên SDL |
| | 9. | Hệ thống | | i chấm công thành các bản ng của từng thành viên trong |
| | 10. | Hệ thống | | tin họ tên cho các bản ghi lựa trên thông tin nhân viên g quản lý nhân sự |
| | 11. | Hệ thống | Hiển thị các báo cáo dùng. | chấm công đến cho người |
| Luồng sự kiện thay | STT | Thực hiện bởi | | Hành động |
| thế | 7a. | Hệ thống quản lý nhân sự | Thông báo lỗi: Đơn thống | vị không tồn tại trong hệ |
| | 8a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Dữ li | ệu đã lỗi thời |
| | 9a. | Hệ thống | Quay lại bước 2 | |
| | 12b. | Quản lý nhân sự, Trưởng đơn vi | Chọn xuất báo cáo r | ra CSV hoặc Excel |
| | 13b. | • | Hiển thị bảng tùy ch | iọn xuất báo cáo |
| | 14b. | Quản lý nhân sự, Trưởng đơn vị | Chọn định dạng file | mong muốn: CSV hoặc Excel |
| | 15b. | | Chọn vị trí lưu file m | nong muốn |

| | 16b. | vị Quản lý nhân sự, Trưởng đơn vị | Xác nhận xuất file |
|---------------|-------|--|---|
| | 17b. | Hệ thống | Kiểm tra xem Vị trí lưu file có tồn tại hay không |
| | 18b. | Hệ thống | Lưu file báo cáo |
| | 18b1. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Vị trí lưu file không tồn tại |
| Hậu điều kiện | Không | | |

* Dữ liệu của từng đơn vị gồm các trường dữ liệu sau:

| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Ví dụ |
|-----|-------------------|-----------------------------|-----------|
| 1. | Mã đơn vị | Mã để định danh từng đơn vị | RD |
| 2. | Tên đơn vị | | Phòng R&D |

* Dữ liệu của từng bản ghi báo cáo chấm công công nhân gồm các trường dữ liệu sau:

| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Ví dụ |
|-----|-------------------------|-------------------------------------|---------------------|
| 1. | Họ tên | | Nguyễn An Lành |
| 2. | Mã nhân viên | Mã để định danh từng công nhân | CN-2501 |
| 3. | Đơn vị | Đơn vị mà công nhân ấy nằm trong đó | Nhà máy sản xuất 01 |
| 4. | Tháng | | 06/2023 |
| 5. | Tổng số giờ làm việc | Tổng số giờ làm việc của ca 1 và 2 | 8 |
| 6. | Tổng số giờ tăng ca | Tổng số giờ tăng ca (ca 3) | 3 |

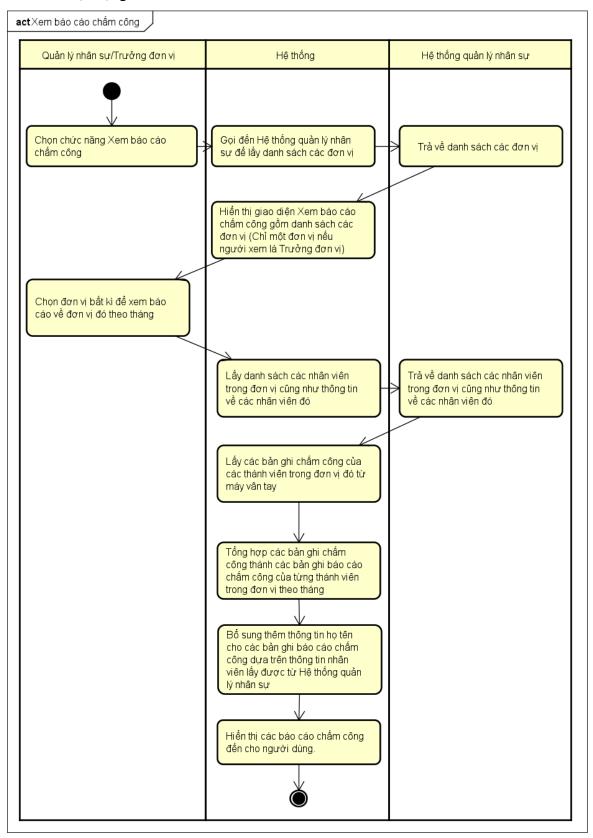
* Dữ liệu của từng đơn vị gồm các trường dữ liệu sau:

| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Ví dụ |
|-----|----------------------------------|--|----------------|
| 1. | Họ tên | | Nguyễn An Lành |
| 2. | Mã nhân viên | Mã để định danh từng nhân viên | NV-2501 |
| 3. | Đơn vị | Đơn vị mà nhân viên ấy nằm trong đó | Phòng R&D |
| 4. | Tháng | | 06/2023 |
| 5. | Tổng số buổi đi làm | Tổng số buổi đi làm gồm cả sáng và chiều | 48 |
| 6. | Tổng số giờ đi muộn/về sớm | | 2 |

* Thông tin để xuất file báo cáo gồm các trường dữ liệu sau:

| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc? | Điều kiện hợp lệ | Ví dụ |
|-----|-------------------|--|-----------|--|----------------------|
| 1. | Định dạng file | CSV hoặc Excel | Có | | CSV |
| 2. | Vị trí lưu file | Một chuỗi kí tự chỉ đến một địa chỉ thư mục nào đó | Có | Thư mục phải tồn tại trong hệ thống | C:/ThuMucMuonLu u |

*Biểu đồ hoạt động:



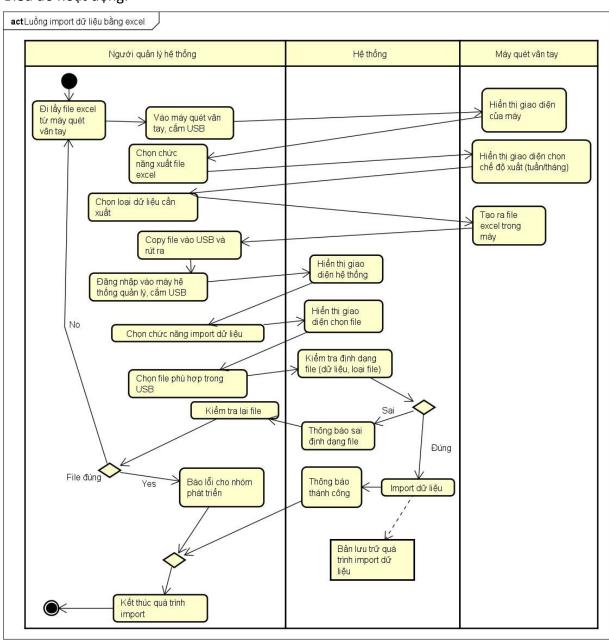
2.2 Use case "Nhập dữ liệu chấm công vân tay qua excel"

| Mã Use case | UC002 | | | Tên Use case | Nhập dữ liệu chấm công vân tay qua excel | |
|---------------------|------------------|--|--|---|--|--|
| Tác nhân | Người d | Người quản lý nhân sự | | | | |
| Tiền điều kiện | Máy quét vân tay | | | | | |
| Luồng sự kiện chính | STT | Thực hiện bởi | | Hành động | g | |
| (Thành công) | 1 | 1 Người quản lý Cắm USB vào máy (nhân sự | | m USB vào máy quét vân tay | | |
| | 2 | Người quản lý nhân sự | Đ | ăng nhập vào hệ thống máy qu | ét vân tay | |
| | 3 | Người quản lý nhân sự | | ọn chức năng xuất file excel ch ần/tháng | aấm công theo | |
| | 4 | Máy quét vân tay | Co US | py một bản chấm công theo tư SB | ıần/tháng vào | |
| | 5 | Máy quét vân tay | Th | ông báo copy thành công | | |
| | 6 | Người quản lý nhân sự | Rú | it USB ra | | |
| | 7 | Người quản lý nhân sự | Cắm USB vào máy hệ thống, đăng nhập vào hệ thống | | | |
| | 8 | Người quản lý nhân sự | | ọn chức năng "Nhập dữ liệu ch cel" trên giao diện của hệ thốn | | |
| | 9 | Hệ thống | Hiển thị hộp thoại để người dùng có thể chọn file excel để import | | | |
| | 10 | Người quản lý nhân sự | | ọn file cần import từ danh sách | | |
| | 11 | Hệ thống | | ân tích nội dung của file excel ơ ng tin về thời gian (timestamp) 1 | | |
| | 12 | Hệ thống | | n tra tính hợp lệ của dữ liệu trư ng định dạng, không trùng lặp, | - | |
| | 13 | Hệ thống | | đầu import dữ liệu vào hệ thối | _ | |
| | 14 | Hệ thống | | nhận lại việc import này để có chiếu | thể sau này cần | |
| Luồng sự kiện thay | STT | Thực hiện bởi | | Hành độr | ng | |
| thế | 11a. | Hệ thống | | liển thị thông báo lỗi: Sai định (ìm thấy các cột về thời gian và | dạng file/ Không | |
| | 11.b | Người quản lý | Κiέ | ểm tra lại file. Nếu sai thì đi lấy | lại file khác. | |
| | 12a. | nhân sự Hệ thống | | ing thì báo lại cho nhóm phát t Thông báo lỗi: thông báo lỗi dũ | | |
| | | | d | lạng, thời gian, trùng nhau, | | |
| | 12.b | Người quản lý nhân sự | | ểm tra lại file. Nếu sai thì đi lấy Ing thì báo lại cho nhóm phát t | | |
| Hậu điều kiện | Không | | | | | |

* Dữ liệu đầu vào:

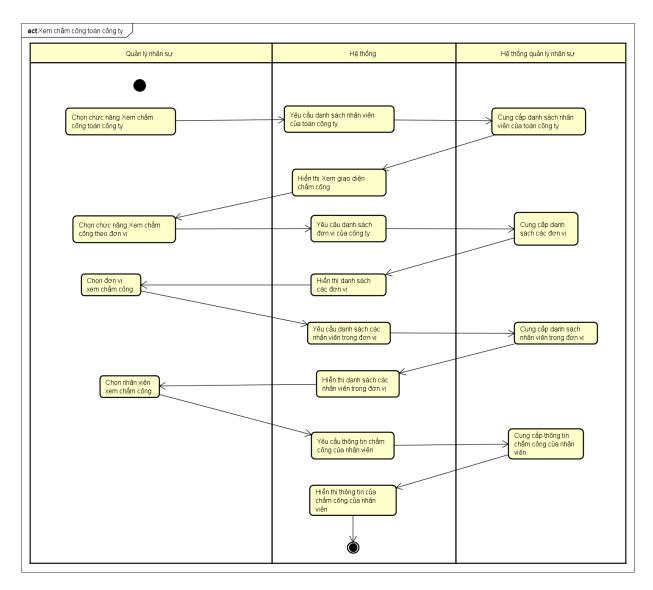
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc? | Điều kiện hợp lệ | Ví dụ |
|-----|-------------------|--|-----------|--|--------------------------|
| 1 | File excel | File chứa thông tin thời gian và mã nhân viên | Có | Đúng định dạng file, có các cột trường thông tin thời gian và mã nhân viên, các cell data đúng về định dạng (ngày, mã) | Chamcong_1_2023. xlsx |

*Biểu đồ hoạt động:



2.3 Use case "Xem chấm công toàn công ty"

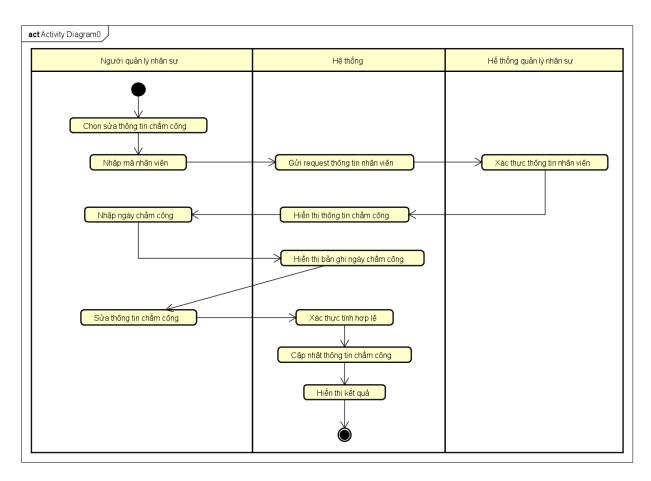
| Mã Use case | UC003 | | Tên Use case | Xem chấm công toàn công ty | |
|---------------------|---|--------------------|--|-------------------------------|--|
| Tác nhân | Quản lý nhân sự, Hệ thống quản lý nhân sự | | | | |
| Tiền điều kiện | Đã đăn | g nhập vào hệ thốn | g | | |
| Luồng sự kiện chính | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | |
| (Thành công) | 1. | Quản lý nhân sự | chọn chức năng Xem chấm công toàn công t | | |
| | 2. | Hệ thống | gọi đến Hệ thống quản lý nh sách nhân viên của toàn côr | | |
| | 3. | Hệ thống | hiển thị giao diện Xem chấm toàn bộ công ty | n công của nhân viên | |
| | 4. | Quản lý nhân sự | chọn chức năng Xem chấm (| công theo đơn vị | |
| | 5. | Hệ thống | gọi đến Hệ thống quản lý nh sách các đơn vị | nân sự để lấy danh | |
| | 6. | Hệ thống | hiển thị giao diện Xem chấm các đơn vị | n công gồm danh sách | |
| | 7. | Quản lý nhân sự | chọn đơn vị xem chấm công | | |
| | 8. | Hệ thống | gọi đến Hệ thống quản lý nh sách nhân viên của đơn vị | nân sự để lấy danh | |
| | 9. | Hệ thống | hiển thị giao diện Xem chấm trong đơn vị | n công của nhân viên | |
| | 10. | Quản lý nhân sự | chọn nhân viên xem chấm c viên | ông/Nhập mã nhân | |
| | 11. | Hệ thống | gọi đến Hệ thống quản lý nh của nhân viên | nân sự để lấy thông tin | |
| | 12. | Hệ thống | hiển thị giao diện Thông tin của nhân viên | chấm công chi tiết | |
| Luồng sự kiện thay | STT | Thực hiện bởi | Hành | động | |
| thế | 4a. | Quản lý nhân sự | chọn chức năng Xem thông công ty | g tin tổng hợp của | |
| | 5a. | Hệ thống | gọi đến Hệ thống quản lý n ty tổng hợp của toàn công | ty | |
| | 6a. | Hệ thống | hiển thị thông tin tổng hợp | U , | |
| | 10a. | Quản lý nhân sự | chọn chức năng Xem thông đơn vị | | |
| | 11a. | Hệ thống | gọi đến Hệ thống quản lý n tin tổng hợp của đơn vị | hân sự để lấy thông | |
| | 11b | Hệ thống | thông báo lỗi: không tồn tạ | i nhân viên | |
| | 12a | Hệ thống | hiển thị giao diện Thông tir | n tổng hợp của đơn vị | |
| Hậu điều kiện | Không o | có | | | |



2.4 Use case "Sửa thông tin chấm công theo ngày"

| Mã Use case | UC004 | | | Tên Use case | Sửa thông tin chấm công theo ngày |
|---------------------|----------|-----------------------------|---------|---------------------------------|---|
| Tác nhân | Người | quản lý nhân sự, h | nệ thốr | ng quản lý nhân sự | |
| Tiền điều kiện | Không có | | | | |
| Luồng sự kiện chính | STT | Thực hiện bởi | | Hành động | |
| (Thành công) | 1 | Người quản lý nhân sự | Chọn | chức năng sửa thông tin chấm | công |
| | 2 | Người quản lý nhân sự | Nhập | mã nhân viên cần sửa thông ti | n chấm công |
| | 3 | Hệ thống | Gửi r | equest tới API hệ thống quản lý | nhân sự |
| | 4 | Hệ thống quản lý nhân sự | Gửi ti | rả thông tin nhân viên | |

| | 5 | | Hiển thị thông tin nhân viên và tất cả bản ghi chấm công của nhân viên Nhập ngày chấm công muốn sửa | |
|---------------------------|---------|--|---|--|
| | 6 | nhân sự | ., , , | |
| | 7 | - | Hiển thị thông tin bản ghi ngày chấm công của nhân viên | |
| | 8 | Người quản lý nhân sự | Sửa thông tin ngày chấm công | |
| | 9 | Hệ thống | Xác thực tính hợp lệ của thông tin chấm công | |
| | 10 | Hệ thống | Cập nhật thông tin chấm công vào cơ sở dữ liệu | |
| | 11 | Hệ thống | Hiển thị thông báo cập nhật thành công | |
| Luồng sự kiện thay thế | STT | Thực hiện bởi | Hành động | |
| tile | 5a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: nhân viên không tồn tại trong hệ thống | |
| | 7a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Ngày chấm công không tồn tại | |
| | 9a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Thông tin sửa đổi không hợp lệ | |
| Hậu điều kiện | Hệ thối | ng ghi nhận thông tin chấm công thay đổi | | |



3 Từ điển thuật ngữ

Sau đây là một số thuật ngữ được sử dụng trong tài liệu:

3.1 Comment

Thêm miêu tả cho một cái gì đó, cụ thể trong tài liệu này là thêm miêu tả cho mã nguồn

3.2 Click

Hành động bấm vào nút bên trái chuột 2 lần liên tiếp trong một khoảng thời gian rất ngắn.

3.3 Import

Hành động nhập dữ liệu bằng file.

3.4 Export

Hành động xuất dữ liệu ra một file.

4 Đặc tả phụ trợ

4.1 Hiệu năng

- Trải nghiệm sử dụng mượt mà, ổn định.
- Thời gian phản hồi của ứng dụng dưới 1s.
- Cho phép 100 người dùng truy cập đồng thời.
- Cập nhật thông tin chấm công từ máy chấm công vân tay đến hệ thống chấm công với đô trễ ít hơn 1s

4.2 Đô tin cây

- Đảm bảo nhận diện thành công ít nhất 98% lần thử vân tay.
- Dữ liệu được backup thường xuyên đảm bảo không bị mất mát (1 lần/tuần).
- Có công cụ phục hồi dữ liệu từ cơ sở dữ liệu dự phòng nếu cơ sở dữ liệu chính gặp sự
- Cho phép hệ thống hoạt động liên tục 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần, tăng khả năng chịu lỗi bằng việc duy trì hệ thống chấm công trên 2 node.
- Không quá 1 lỗi trên 800 dòng mã.

4.3 An toàn, bảo mật

- Sử dụng chuẩn băm SHA-256 để mã hoá dữ liệu nhạy cảm như đặc trưng vân tay, mật khẩu của người dùng.
- Phân quyền người dùng để những người không liên quan có thể truy cập đến dữ liệu nhạy cảm.
- Yêu cầu xác thực người dùng (đăng nhập) trước khi thực hiện các hành động truy cập vào tài nguyên của hệ thống để tránh dữ liệu bị rò rỉ ra bên ngoài.

- Hệ thống được triển khai trên server cục bộ và được ngắt kết nối với internet để đảm bảo an toàn cho dữ liệu nhân viên (Hệ thống chỉ truy cập được bằng wifi của công ty).

4.4 Bảo trì

- Phần mềm được tách ra thành các module cho từng tính năng để thuận tiện cho quá trình bảo trì.
- Phần mềm sẽ được duy trì trong khoảng 3 năm.
- Tất cả các phương thức trong mã nguồn đều phải được comment cũng như có tài liệu về cấu trúc hệ thống, cấu trúc mã nguồn.

4.5 Khả năng sử dụng

- Giao diện Material thân thiện kèm tài liệu sử dụng, hầu như không cần đào tạo để sử dụng thành thạo.
- Giao diện người dùng có thể chạy được trên các trình duyệt phổ biến, truy cập chỉ bằng 1 click.

4.6 Khả năng mở rộng

 Úng dụng phải được thiết kế sao cho thuận tiện cho việc mở rộng quy mô về tính năng cũng như số lượng người dùng, số lượng dữ liệu liên tục mở rộng.